BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM NGHỆ THUẬT TW

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 2022

DỰ KIẾN THỜI KHÓA BIỂU

Kỳ 1 năm học 2022-2023 Hệ Chính quy

TT	Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khóa học
1		**1080031**	**Các vùng văn hóa ở Việt Nam**	**CLM2032**	**2**	**65**												**3_QLVH_M4**		
1.1	01	1080031	CLM2032-2022.01			65	Nông Thị Thanh Thuý				4-6, E502				15/08/2022	06/11/2022				2021
2		**1080229**	**Chính sách xã hội**	**CLM2208**	**2**	**25**												**CTXH**		
2.1	01	1080229	CLM2208-2022.01			25	Lê Quang Vinh			1-5, E502					15/08/2022	27/11/2022				2021
3		**1130013**	**Chủ nghĩa xã hội khoa học**	**POL2011**	**2**	**825**												**3 2019**		
3.1	01	1130013	POL2011-2022.01			55	Phạm Ngọc Anh	1-3, E507							15/08/2022	06/11/2022				2021
4.2	02	1130013	POL2011-2022.02			55	Phạm Ngọc Anh		1-3, E301						15/08/2022	06/11/2022				2021
5.3	03	1130013	POL2011-2022.03			55	Phạm Ngọc Anh		4-6, E301						15/08/2022	06/11/2022				2021
6.4	04	1130013	POL2011-2022.04			55	Phạm Ngọc Anh			1-3, E301					15/08/2022	06/11/2022				2021
7.5	05	1130013	POL2011-2022.05			55	Phạm Ngọc Anh					1-3, E301			15/08/2022	06/11/2022				2021
8.6	06	1130013	POL2011-2022.06			55	Phạm Ngọc Anh					4-6, E301			15/08/2022	06/11/2022				2021
9.7	07	1130013	POL2011-2022.07			55	Phạm Ngọc Anh	7-9, E301							15/08/2022	06/11/2022				2021
10.8	08	1130013	POL2011-2022.08			55	Phạm Ngọc Anh			7-9, E301					15/08/2022	06/11/2022				2021
11.9	09	1130013	POL2011-2022.09			55	Đinh Văn Hoàng						1-3, E301		15/08/2022	06/11/2022				2021
12.10	10	1130013	POL2011-2022.10			55	Đinh Văn Hoàng						4-6, E301		15/08/2022	06/11/2022				2021
13.11	11	1130013	POL2011-2022.11			55	Nguyễn Thị Huyền			4-6, E301					15/08/2022	06/11/2022				2021
14.12	12	1130013	POL2011-2022.12			55	Nguyễn Thị Huyền				1-3, E403				15/08/2022	06/11/2022				2021
15.13	13	1130013	POL2011-2022.13			55	Nguyễn Thị Huyền			7-9, E403					15/08/2022	06/11/2022				2021
16.14	14	1130013	POL2011-2022.14			55	Nguyễn Thị Huyền			10-12, E403					15/08/2022	06/11/2022				2021
17.15	15	1130013	POL2011-2022.15			55	Nguyễn Thị Huyền				7-9, E101				15/08/2022	06/11/2022				2021
4		**1170010**	**Cơ sở tạo khối không gian**	**GRD2005**	**2**	**120**												**Cơ sở tạo hình 2**		
18.1	01	1170010	GRD2005-2022.01			40	Nguyễn Thành Sơn			1-5, E602					15/08/2022	23/10/2022				2021
19.2	02	1170010	GRD2005-2022.02			40	Nguyễn Hữu Dũng						1-5, E602		15/08/2022	23/10/2022				2021
20.3	03	1170010	GRD2005-2022.03			40	Nguyễn Xuân Giáp			7-11, E602					15/08/2022	23/10/2022				2021
5		**1020048**	**Cơ sở thiết kế kỹ thuật trang phục**	**DGI2017**	**3**	**10**														
21.1	01	1020048	DGI2017-2022.01			10	Nguyễn Huyền Trang			1-5, E					22/08/2022	23/10/2022				2021
6		**1080011**	**Đại cương các loại hình NT 2 (Sân khấu + Mỹ thuật)**	**CLM2009**	**3**	**65**												**5_QLVH_M3**		

TT	Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khóa học
22.1	01	1080011	CLM2009-2022.01			65	Phạm Ngọc Thùy	10-12, E503							15/08/2022	11/12/2022				2021
7		**1100087**	**Dân ca**	**VMU2001**	**2**	**30**												**VMU2001**		
23.1	01	1100087	VMU2001-2022.01			10	Đặng Thị Lan			7-11, DNN					15/08/2022	30/10/2022				2021
24.2	02	1100087	VMU2001-2022.02			10	Đặng Thị Lan				1-5, E305				15/08/2022	30/10/2022				2021
25.3	03	1100087	VMU2001-2022.03			10	Đặng Thị Lan						1-5, E305		15/08/2022	30/10/2022				2021
8		**1080240**	**Đạo đức nghề nghiệp**	**CLM2219**	**2**	**25**												**CTXH**		
26.1	01	1080240	CLM2219-2022.01			25	Lương Thị Đào		1-3, E502						15/08/2022	27/11/2022				2021
9		**1190010**	**Đệm thanh nhạc 1.2**	**PIA2007**	**1**	**1**														
27.1	01	1190010	PIA2007-2022.01			1	Lê Hải Thuận		7-11, D						15/08/2022	04/12/2022				2021
10		**1190011**	**Đệm thanh nhạc 2.1**	**PIA2008**	**1**															
28.1	01	1190011	PIA2008-2022.01			0	Lại Thị Phương Thảo					1-5, D			15/08/2022	04/12/2022				2021
29.2	02	1190011	PIA2008-2022.02			0	Lê Hải Thuận		7-11, D						15/08/2022	04/12/2022				2021
30.3	03	1190011	PIA2008-2022.03			0	Trần Quốc Thùy					7-11, D			15/08/2022	04/12/2022				2021
31.4	04	1190011	PIA2008-2022.04			0	Bùi Duy Anh	1-5, D							15/08/2022	04/12/2022				2021
32.5	05	1190011	PIA2008-2022.05			0	Nguyễn Kiều Anh		7-11, D						15/08/2022	04/12/2022				2021
33.6	06	1190011	PIA2008-2022.06			0	Trần Quốc Thùy						1-5, D		15/08/2022	04/12/2022				2021
11		**1190012**	**Đệm thanh nhạc 2.2**	**PIA2008**	**1**	**1**														
34.1	01	1190012	PIA2008-2022.01			1	Lương Đức Giang						1-5, D		15/08/2022	04/12/2022				2021
12		**1190014**	**Đệm thanh nhạc 3.2**	**PIA2009**	**1**	**2**														
35.1	01	1190014	PIA2009-2022.01			1	Lê Hải Thuận				7-11, D				15/08/2022	04/12/2022				2021
36.2	02	1190014	PIA2009-2022.02			1	Trần Quốc Thùy			7-11, D					15/08/2022	04/12/2022				2021
13		**1020049**	**Diễn họa thời trang 1**	**DGI2056**	**2**	**10**														
37.1	01	1020049	DGI2056-2022.01			10	Vũ Thanh Nghị	1-5, E	1-5, E						22/08/2022	30/10/2022				2021
14		**1020032**	**Đồ họa thời trang 1**	**FAD2031**	**2**	**91**														
38.1	01	1020032	FAD2031-2022.01			13	Hoàng Thắng		7-11, E						15/08/2022	23/10/2022				2021
39.2	02	1020032	FAD2031-2022.02			13	Nguyễn Hoàng Tùng		7-11, E						15/08/2022	23/10/2022				2021
40.3	03	1020032	FAD2031-2022.03			13	Bùi Thị Nam		7-11, E						15/08/2022	23/10/2022				2021
41.4	04	1020032	FAD2031-2022.04			13	Hoàng Thắng					1-5, E			15/08/2022	23/10/2022				2021
42.5	05	1020032	FAD2031-2022.05			13	Nguyễn Hoàng Tùng					1-5, E			15/08/2022	23/10/2022				2021
43.6	06	1020032	FAD2031-2022.06			13	Bùi Thị Nam					1-5, E			15/08/2022	23/10/2022				2021
44.7	07	1020032	FAD2031-2022.07			13	Nguyễn Hải Hà					1-5, E			15/08/2022	23/10/2022				2021
15		**1080012**	**Đường lối VHVN của ĐCS Việt Nam**	**CLM2010**	**2**	**140**												**2_QLVH_M3**		

TT	Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khóa học
45.1	01	1080012	CLM2010-2022.01			70	Nguyễn Thị Thanh Loan		1-3, E501						15/08/2022	06/11/2022				2021
46.2	02	1080012	CLM2010-2022.02			70	Nguyễn Thị Thanh Loan			1-3, E503					15/08/2022	06/11/2022				2021
16		**1060022**	**Giải phẫu tạo hình**	**FAE2077**	**2**	**320**												**2_SPMT_M3**		
47.1	01	1060022	FAE2077-2022.01			40	Vũ Hạnh Chi	1-5, E506							15/08/2022	23/10/2022				2021
48.2	02	1060022	FAE2077-2022.02			40	Trang Tố Uyên			1-5, E506					15/08/2022	23/10/2022				2021
49.3	03	1060022	FAE2077-2022.03			40	Trang Tố Uyên				7-11, E506				15/08/2022	23/10/2022				2021
50.4	04	1060022	FAE2077-2022.04			40	Trang Tố Uyên					7-11, E506			15/08/2022	23/10/2022				2021
51.5	05	1060022	FAE2077-2022.05			40	Vũ Hạnh Chi					1-5, E506			15/08/2022	23/10/2022				2021
52.6	06	1060022	FAE2077-2022.06			40	Vũ Hạnh Chi		1-5, E506						15/08/2022	23/10/2022				2021
53.7	07	1060022	FAE2077-2022.07			40	Trang Tố Uyên	7-11, E506							15/08/2022	23/10/2022				2021
54.8	08	1060022	FAE2077-2022.08			40	Trang Tố Uyên			7-11, E506					15/08/2022	23/10/2022				2021
17		**1070051**	**Giới thiệu nhạc cụ**	**MUS2030**	**2**	**400**												**1*MUS2030**		
55.1	01	1070051	MUS2030-2022.01			40	Nguyễn Hồng Trang	1-5, D406							15/08/2022	30/10/2022				2021
56.2	02	1070051	MUS2030-2022.02			40	Nguyễn Khải	7-11, D305							15/08/2022	30/10/2022				2021
57.3	03	1070051	MUS2030-2022.03			40	Nguyễn Hồng Trang		1-5, D3						15/08/2022	30/10/2022				2021
58.4	04	1070051	MUS2030-2022.04			40	Lương Minh Tân		7-11, D1						15/08/2022	30/10/2022				2021
59.5	05	1070051	MUS2030-2022.05			40	Nguyễn Thành Vinh			1-5, D305					15/08/2022	30/10/2022				2021
60.6	06	1070051	MUS2030-2022.06			40	Nguyễn Khải			7-11, D1					15/08/2022	30/10/2022				2021
61.7	07	1070051	MUS2030-2022.07			40	Nguyễn Thị Lệ Huyền				1-5, D305				15/08/2022	30/10/2022				2021
62.8	08	1070051	MUS2030-2022.08			40	Lương Minh Tân				7-11, D1				15/08/2022	30/10/2022				2021
63.9	09	1070051	MUS2030-2022.09			40	Nguyễn Hồng Trang					1-5, D304			15/08/2022	30/10/2022				2021
64.10	10	1070051	MUS2030-2022.10			40	Nguyễn Thị Lệ Huyền					7-11, D305			15/08/2022	30/10/2022				2021
18		**1080228**	**Hành vi con người và môi trường xã hội**	**CLM2207**	**3**	**25**												**CTXH**		
65.1	01	1080228	CLM2207-2022.01			25	Nguyễn Thị Phương Thanh				1-3, E503				15/08/2022	11/12/2022				2021
19		**1020041**	**Hình họa 3**	**FAD2052**	**2**	**101**														
66.1	01	1020041	FAD2052-2022.01			13	Nguyễn Minh Thùy	1-4, B	1-4, B						15/08/2022	23/10/2022				2021
67.2	02	1020041	FAD2052-2022.02			13	Ngô Văn Sơn	1-4, B	1-4, B						15/08/2022	23/10/2022				2021
68.3	03	1020041	FAD2052-2022.03			13	Phạm Viết Minh Tri	1-4, B	1-4, B						15/08/2022	23/10/2022				2021
69.4	04	1020041	FAD2052-2022.04			13	Lê Mai Trinh	1-4, B	1-4, B						15/08/2022	23/10/2022				2021
70.5	05	1020041	FAD2052-2022.05			13	Nguyễn Minh Thùy				7-10, B	7-10, B			15/08/2022	23/10/2022				2021
71.6	06	1020041	FAD2052-2022.06			13	Phạm Viết Minh Tri				7-10, B	7-10, B			15/08/2022	23/10/2022				2021
72.7	07	1020041	FAD2052-2022.07			13	Ngô Văn Sơn				7-10, B	7-10, B			15/08/2022	23/10/2022				2021

TT	Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khóa học
73.8	09	1020041	FAD2052-2022.09			10	Lê Thị Lan				7-10, B	7-10, B			15/08/2022	23/10/2022	K5 CNM			2021
20		**1170055**	**Hình họa 3**	**GRD2047**	**2**	**154**														
74.1	01	1170055	GRD2047-2022.01			14	Nguyễn Thị Mỵ	1-4, A	1-4, A						22/08/2022	09/10/2022				2021
75.2	02	1170055	GRD2047-2022.02			14	Nguyễn Hồng Sơn	1-4, A	1-4, A						22/08/2022	09/10/2022				2021
76.3	03	1170055	GRD2047-2022.03			14	Nguyễn Hải Kiên	1-4, A	1-4, A						22/08/2022	09/10/2022				2021
77.4	04	1170055	GRD2047-2022.04			14	Vũ Xuân Hiển	1-4, A	1-4, A						22/08/2022	09/10/2022				2021
78.5	05	1170055	GRD2047-2022.05			14	Lê Đức Tùng	1-4, A	1-4, A						22/08/2022	09/10/2022				2021
79.6	06	1170055	GRD2047-2022.06			14	Nguyễn Hồng Sơn				1-4, A	1-4, A			22/08/2022	09/10/2022				2021
80.7	07	1170055	GRD2047-2022.07			14	Lê Đức Tùng				1-4, A	1-4, A			22/08/2022	09/10/2022				2021
81.8	08	1170055	GRD2047-2022.08			14	Nguyễn Hải Kiên				1-4, A	1-4, A			22/08/2022	09/10/2022				2021
82.9	09	1170055	GRD2047-2022.09			14	Nguyễn Thị Mỵ				1-4, A	1-4, A			22/08/2022	09/10/2022				2021
83.10	10	1170055	GRD2047-2022.10			14	Vũ Xuân Hiển				1-4, A	1-4, A			22/08/2022	09/10/2022				2021
84.11	11	1170055	GRD2047-2022.11			14	Ng.Duy Quốc Tuấn				1-4, A	1-4, A			22/08/2022	09/10/2022				2021
21		**1060002**	**Hình họa 3**	**FAE2049**	**2**	**160**												**2018**		
85.1	01	1060002	FAE2049-2022.01			16	Nguyễn Thị Giang	1-5, BC	1-5, BC	1-5, BC					15/08/2022	09/10/2022				2021
86.2	02	1060002	FAE2049-2022.02			16	Nguyễn Quang Hải	1-5, BC	1-5, BC	1-5, BC					15/08/2022	09/10/2022				2021
87.3	03	1060002	FAE2049-2022.03			16	Nguyễn Huy Trung	1-5, BC	1-5, BC	1-5, BC					15/08/2022	09/10/2022				2021
88.4	04	1060002	FAE2049-2022.04			16	Đinh Tiến Hiếu	1-5, BC	1-5, BC	1-5, BC					15/08/2022	09/10/2022				2021
89.5	05	1060002	FAE2049-2022.05			16	Nguyễn Quang Hải				1-5, BC	1-5, BC	1-5, BC		15/08/2022	09/10/2022				2021
90.6	06	1060002	FAE2049-2022.06			16	Hoàng Đức Dũng				1-5, BC	1-5, BC	1-5, BC		15/08/2022	09/10/2022				2021
91.7	07	1060002	FAE2049-2022.07			16	Nguyễn Tú Anh				1-5, BC	1-5, BC	1-5, BC		15/08/2022	09/10/2022				2021
92.8	08	1060002	FAE2049-2022.08			16	Nguyễn Quang Minh				7-11, BC	7-11, BC	7-11, BC		15/08/2022	09/10/2022				2021
93.9	09	1060002	FAE2049-2022.09			16	Nguyễn Hoàng Tùng				7-11, BC	7-11, BC	7-11, BC		15/08/2022	09/10/2022				2021
94.10	10	1060002	FAE2049-2022.10			16	Nguyễn Văn Cường				7-11, BC	7-11, BC	7-11, BC		15/08/2022	09/10/2022	K8 HH			2021
22		**1080093**	**Hình thể 1 (Kỹ thuật cơ bản)**	**CLM2059**	**3**	**70**														
95.1	01	1080093	CLM2059-2022.01			35	Đinh Xuân Tùng	1-5, NA501	1-5, NA401						15/08/2022	16/10/2022	Lop A			2021
96.2	02	1080093	CLM2059-2022.02			35	Đinh Xuân Tùng		7-11, NA401			7-11, NA401			15/08/2022	16/10/2022	Lop B			2021
23		**1080095**	**Hình thể 3 (Múa)**	**CLM2061**	**3**	**20**												**DVK**		
97.1	01	1080095	CLM2061-2022.01			20	Ng.Thuý Hường						1-5, NA501		15/08/2022	04/12/2022				2021
24		**1190018**	**Hòa tấu 1.2**	**PIA2011**	**1**	**1**														
98.1	01	1190018	PIA2011-2022.01			1	Nghiêm Thị Hà Ngân	7-11, D							15/08/2022	04/12/2022				2021
25		**1190019**	**Hòa tấu 2.1**	**PIA2012**	**1**															

TT	Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khóa học
99.1	01	1190019	PIA2012-2022.01			0	Lê Nam					1-5, D			15/08/2022	04/12/2022				2021
100.2	02	1190019	PIA2012-2022.02			0	Nghiêm Thị Hà Ngân	7-11, D							15/08/2022	04/12/2022				2021
101.3	03	1190019	PIA2012-2022.03			0	Đoàn Lê Phan Anh					1-5, D			15/08/2022	04/12/2022				2021
102.4	04	1190019	PIA2012-2022.04			0	Phạm Hoàng Lê			1-5, D					15/08/2022	04/12/2022				2021
103.5	05	1190019	PIA2012-2022.05			0	Trần Hà Mi		7-11, D						15/08/2022	04/12/2022				2021
104.6	06	1190019	PIA2012-2022.06			0	Nguyễn Thị Hiền Anh	1-5, D							15/08/2022	04/12/2022				2021
105.7	07	1190019	PIA2012-2022.07			0	Nguyễn Kiều Anh					7-11, D			15/08/2022	04/12/2022				2021
26		**1190020**	**Hòa tấu 2.2**	**PIA2012**	**1**	**3**														
106.1	01	1190020	PIA2012-2022.01			1	Bùi Đăng Khánh				7-11, D				15/08/2022	04/12/2022				2021
107.2	02	1190020	PIA2012-2022.02			1	Nguyễn Kiều Anh					7-11, D			15/08/2022	04/12/2022				2021
108.3	03	1190020	PIA2012-2022.03			1	Trần Hà Mi					7-11, D			15/08/2022	04/12/2022				2021
27		**1190022**	**Hòa tấu 3.2**	**PIA2013**	**1**	**3**														
109.1	01	1190022	PIA2013-2022.01			1	Bùi Đăng Khánh				7-11, D				15/08/2022	04/12/2022				2021
110.2	03	1190022	PIA2013-2022.03			1	Bá Sản					1-5, D			15/08/2022	04/12/2022				2021
111.3	04	1190022	PIA2013-2022.04			1	Nguyễn Nguyệt Cầm					7-11, D			15/08/2022	04/12/2022				2021
28		**1070102**	**Hòa thanh 1**	**MUS2062**	**2**	**400**												**3* 2018**		
112.1	01	1070102	MUS2062-2022.01			40	Phạm Thu Hường	1-5, DNN							15/08/2022	23/10/2022	A			2021
113.2	02	1070102	MUS2062-2022.02			40	Nguyễn Thị Thu Trang (B)	7-11, D							15/08/2022	23/10/2022	B			2021
114.3	03	1070102	MUS2062-2022.03			40	Nguyễn Khải		1-5, D2						15/08/2022	23/10/2022	C			2021
115.4	04	1070102	MUS2062-2022.04			40	Nguyễn Khải		7-11, D405						15/08/2022	23/10/2022				2021
116.5	05	1070102	MUS2062-2022.05			40	Nguyễn Hồng Trang			1-5, D2					15/08/2022	23/10/2022				2021
117.6	06	1070102	MUS2062-2022.06			40	Nguyễn Đức Linh			7-11, D304					15/08/2022	23/10/2022	E			2021
118.7	07	1070102	MUS2062-2022.07			40	Nguyễn Khải				1-5, D				15/08/2022	23/10/2022	F			2021
119.8	08	1070102	MUS2062-2022.08			40	Nguyễn Thành Vinh				7-11, DNN				15/08/2022	23/10/2022	D			2021
120.9	09	1070102	MUS2062-2022.09			40	Nguyễn Thành Vinh					1-5, D			15/08/2022	23/10/2022	G			2021
121.10	10	1070102	MUS2062-2022.10			40	Trần Vương Thanh						1-5, DNN		15/08/2022	23/10/2022	H			2021
29		**1070012**	**Hợp xướng 2**	**MUS2081**	**2**	**322**												**2019**		
122.1	01	1070012	MUS2081-2022.01			23	La Bảo Hồng	1-5, D3							15/08/2022	13/11/2022				2021
123.2	02	1070012	MUS2081-2022.02			23	Vũ Thị Thùy Linh	7-11, D3							15/08/2022	13/11/2022				2021
124.3	03	1070012	MUS2081-2022.03			23	La Bảo Hồng		1-5, D3						15/08/2022	13/11/2022				2021
125.4	04	1070012	MUS2081-2022.04			23	Phạm Hoàng Trung		7-11, D3						15/08/2022	13/11/2022				2021

TT	Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khóa học
126.5	05	1070012	MUS2081-2022.05			23	Phạm Xuân Danh		7-11, D2						15/08/2022	13/11/2022				2021
127.6	06	1070012	MUS2081-2022.06			23	Vũ Thị Thùy Linh			1-5, D3					15/08/2022	13/11/2022				2021
128.7	07	1070012	MUS2081-2022.07			23	Lê Vinh Hưng			7-11, D2					15/08/2022	13/11/2022				2021
129.8	08	1070012	MUS2081-2022.08			23	Vũ Thị Thùy Linh			7-11, D3					15/08/2022	13/11/2022				2021
130.9	09	1070012	MUS2081-2022.09			23	Vũ Thị Thùy Linh				1-5, D2				15/08/2022	13/11/2022				2021
131.10	10	1070012	MUS2081-2022.10			23	Phạm Xuân Danh				1-5, D3				15/08/2022	13/11/2022				2021
132.11	11	1070012	MUS2081-2022.11			23	Phạm Hoàng Trung				7-11, D2				15/08/2022	13/11/2022				2021
133.12	12	1070012	MUS2081-2022.12			23	Phạm Xuân Danh					1-5, D3			15/08/2022	13/11/2022				2021
134.13	13	1070012	MUS2081-2022.13			23	Phạm Xuân Danh					7-11, D3			15/08/2022	13/11/2022				2021
135.14	14	1070012	MUS2081-2022.14			23	Vũ Thị Thùy Linh						1-5, D2		15/08/2022	13/11/2022				2021
30		**1070140**	**Keyboard/Guitar 2 A**	**MUS2086***	**0**	**300**														
136.1	01	1070140	MUS2086*-2022.01			10	Nguyễn Thị Thu Hương		9-10, C208						15/08/2022	20/11/2022				2021
137.2	02	1070140	MUS2086*-2022.02			10	Hà Tân Mùi		9-10, C210						15/08/2022	20/11/2022				2021
138.3	03	1070140	MUS2086*-2022.03			10	Phạm Huy Hùng		9-10, C310						15/08/2022	20/11/2022				2021
139.4	04	1070140	MUS2086*-2022.04			10	Phùng Thị Lan Hương		9-10, D101						15/08/2022	20/11/2022				2021
140.5	05	1070140	MUS2086*-2022.05			10	Đoàn Anh Vũ		9-10, D102						15/08/2022	20/11/2022				2021
141.6	06	1070140	MUS2086*-2022.06			10	Nguyễn Nguyệt Cầm		9-10, D103						15/08/2022	20/11/2022				2021
142.7	07	1070140	MUS2086*-2022.07			10	Đặng Thái Sơn		9-10, D107						15/08/2022	20/11/2022				2021
143.8	08	1070140	MUS2086*-2022.08			10	Bá Sản		9-10, D108						15/08/2022	20/11/2022				2021
144.9	09	1070140	MUS2086*-2022.09			10	Trần Quốc Thùy			9-10, C208					15/08/2022	20/11/2022				2021
145.10	10	1070140	MUS2086*-2022.10			10	Dương Vũ Bình Minh			9-10, C310					15/08/2022	20/11/2022				2021
146.11	11	1070140	MUS2086*-2022.11			10	Đào văn Kiên			9-10, D107					15/08/2022	20/11/2022				2021
147.12	12	1070140	MUS2086*-2022.12			10	Nguyễn Quang Tùng				3-4, C208				15/08/2022	20/11/2022				2021
148.13	13	1070140	MUS2086*-2022.13			10	Bùi Duy Anh				3-4, C210				15/08/2022	20/11/2022				2021
149.14	14	1070140	MUS2086*-2022.14			10	Đào Văn Thực				3-4, C310				15/08/2022	20/11/2022				2021
150.15	15	1070140	MUS2086*-2022.15			10	Vũ Ngọc Sơn				3-4, D102				15/08/2022	20/11/2022				2021
151.16	16	1070140	MUS2086*-2022.16			10	Bá Sản				3-4, D103				15/08/2022	20/11/2022				2021
152.17	17	1070140	MUS2086*-2022.17			10	Lê Quốc Vương				3-4, D107				15/08/2022	20/11/2022				2021
153.18	18	1070140	MUS2086*-2022.18			10	Hòang Thị Trà Mi				3-4, D108				15/08/2022	20/11/2022				2021
154.19	19	1070140	MUS2086*-2022.19			10	Bùi Thị Diệu Minh				9-10, C208				15/08/2022	20/11/2022				2021
155.20	20	1070140	MUS2086*-2022.20			10	Phạm Hồng Phương				9-10, D103				15/08/2022	20/11/2022				2021
156.21	21	1070140	MUS2086*-2022.21			10	Hà Tân Mùi				9-10, D107				15/08/2022	20/11/2022				2021

TT	Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khóa học
157.22	22	1070140	MUS2086*-2022.22			10	Nguyễn Phương Ngọc				9-10, D				15/08/2022	20/11/2022				2021
158.23	23	1070140	MUS2086*-2022.23			10	Trần Bích Thủy				9-10, D				15/08/2022	20/11/2022				2021
159.24	24	1070140	MUS2086*-2022.24			10	Cù Minh Giang					9-10, C208			15/08/2022	20/11/2022				2021
160.25	25	1070140	MUS2086*-2022.25			10	Dương Vũ Bình Minh					9-10, C210			15/08/2022	20/11/2022				2021
161.26	26	1070140	MUS2086*-2022.26			10	Vũ Thanh Xuân					9-10, C310			15/08/2022	20/11/2022				2021
162.27	27	1070140	MUS2086*-2022.27			10	Trần Bích Thủy					9-10, D101			15/08/2022	20/11/2022				2021
163.28	28	1070140	MUS2086*-2022.28			10	Bùi Thị Diệu Minh					9-10, D103			15/08/2022	20/11/2022				2021
164.29	29	1070140	MUS2086*-2022.29			10	Lương Diệu Ánh					9-10, D107			15/08/2022	20/11/2022				2021
165.30	30	1070140	MUS2086*-2022.30			10	Ngô Thị Việt Anh					9-10, D108			15/08/2022	20/11/2022				2021
31		**1070144**	**Keyboard/Guitar 4**	**MUS2088**	**1**															
166.1	15	1070144	MUS2088-2022.15			0	Đào văn Kiên						1-5, D		15/08/2022					2021
167.2	16	1070144	MUS2088-2022.16			0	Mai Trần Hoàn						1-5, D		15/08/2022					2021
168.3	17	1070144	MUS2088-2022.17			0	Lương Diệu Ánh						7-11, D		15/08/2022					2021
169.4	18	1070144	MUS2088-2022.18			0	Mai Trần Hoàn						7-11, D		15/08/2022					2021
170.5	19	1070144	MUS2088-2022.19			0	Lương Đức Giang						7-11, D		15/08/2022					2021
171.6	20	1070144	MUS2088-2022.20			0	Nguyễn Phương Ngọc						1-5, D		15/08/2022					2021
32		**1080096**	**Kỹ thuật biểu diễn kịch - điện ảnh 1**	**CLM2062**	**3**	**70**												**DVK**		
172.1	01	1080096	CLM2062-2022.01			35	Kiều Minh Hiếu				1-5, NA401		7-11, NA401		15/08/2022	16/10/2022	Lop A			2021
173.2	02	1080096	CLM2062-2022.02			35	Kiều Minh Hiếu	1-5, NA401		1-5, NA401					15/08/2022	16/10/2022	Lop B			2021
33		**1080103**	**Kỹ thuật biểu diễn kịch - điện ảnh 8**	**CLM2069**	**3**	**20**														
174.1	01	1080103	CLM2069-2022.01			20	Đinh Xuân Tùng							1-5, NA401	15/08/2022	04/12/2022	LT			2021
34		**1070021**	**Ký xướng âm 3**	**MUS2019**	**2**	**399**												**3* MUS2019**		
175.1	01	1070021	MUS2019-2022.01			19	Nguyễn Thị Thu Trang (B)	1-5, D204							15/08/2022	13/11/2022				2021
176.2	02	1070021	MUS2019-2022.02			19	Vũ Thị Kim Thu	1-5, D305							15/08/2022	13/11/2022				2021
177.3	03	1070021	MUS2019-2022.03			19	Nguyễn Thị Phương Mai	1-5, D404							15/08/2022	13/11/2022				2021
178.4	04	1070021	MUS2019-2022.04			19	Phạm Thu Hường	7-11, D204							15/08/2022	13/11/2022				2021
179.5	05	1070021	MUS2019-2022.05			19	Ng.Thị Thu Trang (A)	7-11, D304							15/08/2022	13/11/2022				2021
180.6	06	1070021	MUS2019-2022.06			19	Khuất Duy Nhã		1-5, D405						15/08/2022	13/11/2022				2021
181.7	07	1070021	MUS2019-2022.07			19	Ng.Thị Thu Trang (A)		1-5, D406						15/08/2022	13/11/2022				2021
182.8	08	1070021	MUS2019-2022.08			19	Mai Linh Chi		7-11, D406						15/08/2022	13/11/2022				2021
183.9	09	1070021	MUS2019-2022.09			19	Trần Vương Thanh		7-11, D204						15/08/2022	13/11/2022				2021
184.10	10	1070021	MUS2019-2022.10			19	Nghiêm Hồng Hà			1-5, D204					15/08/2022	13/11/2022				2021

TT	Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khóa học
185.11	11	1070021	MUS2019-2022.11			19	Khuất Duy Nhã			1-5, D304					15/08/2022	13/11/2022				2021
186.12	12	1070021	MUS2019-2022.12			19	Vũ Thị Kim Thu			7-11, D204					15/08/2022	13/11/2022				2021
187.13	13	1070021	MUS2019-2022.13			19	Trần Thị Thanh Hương			7-11, D406					15/08/2022	13/11/2022				2021
188.14	14	1070021	MUS2019-2022.14			19	Nguyễn Thị Thu Trang (B)				1-5, D404				15/08/2022	13/11/2022				2021
189.15	15	1070021	MUS2019-2022.15			19	Nguyễn Đức Linh				1-5, D204				15/08/2022	13/11/2022				2021
190.16	16	1070021	MUS2019-2022.16			19	Phạm Thu Hường				7-11, D405				15/08/2022	13/11/2022				2021
191.17	17	1070021	MUS2019-2022.17			19	Nghiêm Hồng Hà				7-11, D204				15/08/2022	13/11/2022				2021
192.18	18	1070021	MUS2019-2022.18			19	Ng.Thị Thu Trang (A)					1-5, D406			15/08/2022	13/11/2022				2021
193.19	19	1070021	MUS2019-2022.19			19	Nguyễn Đức Linh					1-5, D			15/08/2022	13/11/2022				2021
194.20	20	1070021	MUS2019-2022.20			19	Ng.Thị Thu Trang (A)					7-11, D204			15/08/2022	13/11/2022				2021
195.21	21	1070021	MUS2019-2022.21			19	Trần Thị Thanh Hương						1-5, D204		15/08/2022	13/11/2022				2021
35		**1080199**	**Lễ hội Việt Nam**	**CLM2123**	**2**	**60**												**DL**		
196.1	01	1080199	CLM2123-2022.01			60	Nguyễn Thị Thanh Loan		4-6, E501						15/08/2022	27/11/2022				2021
36		**1070112**	**Lịch sử âm nhạc thế giới 1**	**MUS2060**	**2**	**360**												**2018**		
197.1	01	1070112	MUS2060-2022.01			40	Đoàn Thị Thu Hà	1-5, D1							15/08/2022	23/10/2022				2021
198.2	02	1070112	MUS2060-2022.02			40	Nghiêm Hồng Hà	7-11, D305							15/08/2022	23/10/2022				2021
199.3	03	1070112	MUS2060-2022.03			40	Đoàn Thị Thu Hà		1-5, D1						15/08/2022	23/10/2022				2021
200.4	04	1070112	MUS2060-2022.04			40	Đoàn Thị Thu Hà			1-5, DNN					15/08/2022	23/10/2022				2021
201.5	05	1070112	MUS2060-2022.05			40	Vũ Thị Kim Thu				1-5, DNN				15/08/2022	23/10/2022				2021
202.6	06	1070112	MUS2060-2022.06			40	Nguyễn Thị Tố Mai				7-11, DNN				15/08/2022	23/10/2022				2021
203.7	07	1070112	MUS2060-2022.07			40	Đoàn Thị Thu Hà					1-5, DNN			15/08/2022	23/10/2022				2021
204.8	08	1070112	MUS2060-2022.08			40	Vũ Thị Kim Thu						1-5, D305		15/08/2022	23/10/2022				2021
205.9	09	1070112	MUS2060-2022.09			40	Trần Thị Thanh Hương						7-11, DNN		15/08/2022	23/10/2022				2021
37		**1060112**	**Lịch sử nghệ thuật**	**FAE2076**	**2**	**10**														
206.1	01	1060112	FAE2076-2022.01			10	Đào Thị Thuý Anh					1-5, B105			15/08/2022	09/10/2022				2021
38		**1060098**	**Mỹ học**	**FAE2072**	**2**	**320**												**2***		
207.1	01	1060098	FAE2072-2022.01			40	Nguyễn Minh Tân	7-11, C21							15/08/2022	23/10/2022				2021
208.2	02	1060098	FAE2072-2022.02			40	Nguyễn Minh Tân		7-11, C21						15/08/2022	23/10/2022				2021
209.3	03	1060098	FAE2072-2022.03			40	Nguyễn Minh Tân				7-11, C21				15/08/2022	23/10/2022				2021
210.4	04	1060098	FAE2072-2022.04			40	Nguyễn Minh Tân						1-5, C21		15/08/2022	23/10/2022				2021
211.5	05	1060098	FAE2072-2022.05			40	Nguyễn Minh Tân			1-5, C21					15/08/2022	23/10/2022				2021

TT	Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khóa học
212.6	06	1060098	FAE2072-2022.06			40	Nguyễn Minh Tân			7-11, C21					15/08/2022	23/10/2022				2021
213.7	07	1060098	FAE2072-2022.07			40	Nguyễn Minh Tân					1-5, C21			15/08/2022	23/10/2022				2021
214.8	08	1060098	FAE2072-2022.08			40	Nguyễn Minh Tân						7-11, C21		15/08/2022	23/10/2022				2021
39		**1060021**	**Nghệ thuật học đại cương**	**FAE2070**	**2**	**200**												**4_SPMT_M3**		
215.1	01	1060021	FAE2070-2022.01			40	Đào Thị Thuý Anh	1-5, C21							15/08/2022	23/10/2022				2021
216.2	02	1060021	FAE2070-2022.02			40	Đào Thị Thuý Anh		1-5, C21						15/08/2022	23/10/2022				2021
217.3	03	1060021	FAE2070-2022.03			40	Đào Thị Thuý Anh				1-5, C21				15/08/2022	23/10/2022				2021
218.4	04	1060021	FAE2070-2022.04			40	Nguyễn Thị Giang			7-11, E505					15/08/2022	23/10/2022				2021
219.5	05	1060021	FAE2070-2022.05			40	Nguyễn Thị Giang					7-11, C21			15/08/2022	23/10/2022				2021
40		**1060102**	**Nghệ thuật tạo hình không gian 2D, 3D**	**FAE2089**	**2**	**32**												**2019**		
220.1	01	1060102	FAE2089-2022.01			16	Nguyễn Thị May	7-11, BC	7-11, BC	7-11, BC					12/12/2022	05/02/2023				2021
221.2	02	1060102	FAE2089-2022.02			16	Lê Thị Kim Liên	7-11, BC	7-11, BC	7-11, BC					12/12/2022	05/02/2023				2021
41		**1070103**	**Nhạc cụ tự chọn A (2TC)**	**MUS2064***	**0**	**300**												**2018**		
222.1	01	1070103	MUS2064*-2022.01			15	Nguyễn Quang Tùng	1-5, C Guitar							15/08/2022	06/11/2022				2021
223.2	02	1070103	MUS2064*-2022.02			15	Nguyễn Quang Tùng	1-5, C Guitar							15/08/2022	06/11/2022				2021
224.3	03	1070103	MUS2064*-2022.03			15	Nguyễn Nguyệt Cầm	7-11, C Guitar							15/08/2022	06/11/2022				2021
225.4	04	1070103	MUS2064*-2022.04			15	Nguyễn Nguyệt Cầm	7-11, C Guitar							15/08/2022	06/11/2022				2021
226.5	05	1070103	MUS2064*-2022.05			15	Phạm Hồng Phương		1-5, C Guitar						15/08/2022	06/11/2022				2021
227.6	06	1070103	MUS2064*-2022.06			15	Phạm Hồng Phương		1-5, C Guitar						15/08/2022	06/11/2022				2021
228.7	07	1070103	MUS2064*-2022.07			15	Khuất Duy Nhã		7-11, C Drum						15/08/2022	06/11/2022				2021
229.8	08	1070103	MUS2064*-2022.08			15	Khuất Duy Nhã		7-11, C Drum						15/08/2022	06/11/2022				2021
230.9	09	1070103	MUS2064*-2022.09			15	Phạm Huy Hùng			7-11, C Recoder					15/08/2022	06/11/2022				2021
231.10	10	1070103	MUS2064*-2022.10			15	Phạm Huy Hùng			7-11, C Recoder					15/08/2022	06/11/2022				2021
232.11	11	1070103	MUS2064*-2022.11			15	Nguyễn Nguyệt Cầm			7-11, C Guitar					15/08/2022	06/11/2022				2021
233.12	12	1070103	MUS2064*-2022.12			15	Nguyễn Nguyệt Cầm			7-11, C Guitar					15/08/2022	06/11/2022				2021
234.13	13	1070103	MUS2064*-2022.13			15	Bùi Thị Diệu Minh				1-5, C Recoder				15/08/2022	06/11/2022				2021
235.14	14	1070103	MUS2064*-2022.14			15	Bùi Thị Diệu Minh				1-5, C Recoder				15/08/2022	06/11/2022				2021
236.15	15	1070103	MUS2064*-2022.15			15	Đào Văn Thực					1-5, C Recoder			15/08/2022	06/11/2022				2021
237.16	16	1070103	MUS2064*-2022.16			15	Đào Văn Thực					1-5, C Recoder			15/08/2022	06/11/2022				2021
238.17	17	1070103	MUS2064*-2022.17			15	Hà Tân Mùi					7-11, C Recoder			15/08/2022	06/11/2022				2021
239.18	18	1070103	MUS2064*-2022.18			15	Hà Tân Mùi					7-11, C Recoder			15/08/2022	06/11/2022				2021
240.19	19	1070103	MUS2064*-2022.19			15	Nguyễn Quang Tùng						1-5, C Guitar		15/08/2022	06/11/2022				2021

TT	Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khóa học
241.20	20	1070103	MUS2064*-2022.20			15	Nguyễn Quang Tùng						1-5, C Guitar		15/08/2022	06/11/2022				2021
42		**1020021**	**Nhân trắc học may mặc**	**FAD2004**	**2**	**108**														
242.1	01	1020021	FAD2004-2022.01			36	Trần Việt Hùng		1-5, E						22/08/2022	02/10/2022				2021
243.2	02	1020021	FAD2004-2022.02			36	Trần Việt Hùng			1-5, E					22/08/2022	02/10/2022				2021
244.3	03	1020021	FAD2004-2022.03			36	Trần Việt Hùng					7-11, E			22/08/2022	02/10/2022				2021
43		**1080129**	**Phân tích tác phẩm sân khấu – điện ảnh**	**CLM2086**	**3**	**20**														
245.1	02	1080129	CLM2086-2022.02			20	Bùi Thị Phương Thảo							7-11, NA401	15/08/2022	04/12/2022				2021
44		**1130007**	**Pháp luật đại cương**	**POL2007**	**2**	**240**												**1* Chung DH&CD**		
246.1	01	1130007	POL2007-2022.01			60	Nguyễn Thị Thanh Thủy			7-9, E507					15/08/2022	30/10/2022				2021
247.2	02	1130007	POL2007-2022.02			60	Nguyễn Thị Thanh Thủy			10-12, E507					15/08/2022	30/10/2022				2021
248.3	03	1130007	POL2007-2022.03			60	Lê Thị Nguyên						1-3, E507		15/08/2022	30/10/2022				2021
249.4	04	1130007	POL2007-2022.04			60	Lê Thị Nguyên						4-6, E507		15/08/2022	30/10/2022				2021
45		**1080260**	**Phương pháp dàn dựng chương trình nghệ thuật trong hoạt động công tác xã hội**	**CLM2239**	**2**	**25**												**CTXH**		
250.1	01	1080260	CLM2239-2022.01			25	Trần Vĩnh Khương					1-5, NA401			15/08/2022	11/12/2022				2021
46		**1070032**	**Phương pháp dạy học âm nhạc 1**	**MUS2031**	**2**	**360**												**4*MUS2031**		
251.1	01	1070032	MUS2031-2022.01			40	Mai Linh Chi	1-5, D305							15/08/2022	30/10/2022				2021
252.2	02	1070032	MUS2031-2022.02			40	Nguyễn Thị Phương Mai	7-11, D							15/08/2022	30/10/2022				2021
253.3	03	1070032	MUS2031-2022.03			40	Mai Linh Chi		1-5, D305						15/08/2022	30/10/2022				2021
254.4	04	1070032	MUS2031-2022.04			40	Nguyễn Thị Tố Mai		7-11, DNN						15/08/2022	30/10/2022				2021
255.5	05	1070032	MUS2031-2022.05			40	Nguyễn Thị Phương Mai			1-5, D1					15/08/2022	30/10/2022				2021
256.6	06	1070032	MUS2031-2022.06			40	Đoàn Thị Thu Hà				1-5, D305				15/08/2022	30/10/2022				2021
257.7	07	1070032	MUS2031-2022.07			40	Nguyễn Thị Lệ Huyền				7-11, D305				15/08/2022	30/10/2022				2021
258.8	08	1070032	MUS2031-2022.08			40	Nguyễn Thị Lệ Huyền					1-5, D304			15/08/2022	30/10/2022				2021
259.9	09	1070032	MUS2031-2022.09			40	Đoàn Thị Thu Hà						1-5, D305		15/08/2022	30/10/2022				2021
47		**1060107**	**Phương pháp dạy học Mỹ thuật 1**	**FAE2094**	**3**	**160**												**2019**		
260.1	01	1060107	FAE2094-2022.01			40	Trần Thị Vân	1-5, E505							15/08/2022	23/10/2022				2021
261.2	02	1060107	FAE2094-2022.02			40	Trần Thị Vân		1-5, E505						15/08/2022	23/10/2022				2021
262.3	03	1060107	FAE2094-2022.03			40	Trần Thị Vân				1-5, E505				15/08/2022	23/10/2022				2021
263.4	04	1060107	FAE2094-2022.04			40	Trần Thị Vân					1-5, E505			15/08/2022	23/10/2022				2021
48		**1100064**	**Piano 1.1**	**PIA2023**	**1**	**3**												**Dang dung**		
264.1	01	1100064	PIA2023-2022.01			1	Trần Vương Thanh		1-5, D						15/08/2022					2021
265.2	02	1100064	PIA2023-2022.02			1	Ngô Thị Việt Anh					7-11, D			15/08/2022					2021

TT	Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khóa học
266.3	03	1100064	PIA2023-2022.03			1	Mai Linh Chi					1-5, D			15/08/2022					2021
49		**1100085**	**Piano 2.1**	**PIA2024**	**1**													**Dang dung**		
267.1	01	1100085	PIA2024-2022.01			0	Trần Vương Thanh		1-5, D						15/08/2022					2021
268.2	02	1100085	PIA2024-2022.02			0	Vũ Thanh Xuân			7-11, D					15/08/2022					2021
269.3	03	1100085	PIA2024-2022.03			0	Ngô Thị Việt Anh					1-5, D			15/08/2022					2021
270.4	04	1100085	PIA2024-2022.04			0	Trần Hoài Sơn		1-5, D						15/08/2022					2021
271.5	05	1100085	PIA2024-2022.05			0	Dương Vũ Bình Minh			1-5, D					15/08/2022					2021
272.6	06	1100085	PIA2024-2022.06			0	Hòang Thị Trà Mi			7-11, D					15/08/2022					2021
273.7	07	1100085	PIA2024-2022.07			0	Vũ Thị Thùy Linh		1-5, D						15/08/2022					2021
274.8	08	1100085	PIA2024-2022.08			0	Lương Diệu Ánh					7-11, D			15/08/2022					2021
275.9	09	1100085	PIA2024-2022.09			0	Trần Hoài Sơn			1-5, D					15/08/2022					2021
276.10	10	1100085	PIA2024-2022.10			0	Dương Vũ Bình Minh	1-5, D							15/08/2022					2021
277.11	11	1100085	PIA2024-2022.11			0														2021
278.12	12	1100085	PIA2024-2022.12			0	Mai Linh Chi					1-5, D			15/08/2022					2021
279.13	13	1100085	PIA2024-2022.13			0														2021
280.14	14	1100085	PIA2024-2022.14			0	Hòang Thị Trà Mi		7-11, D						15/08/2022					2021
281.15	15	1100085	PIA2024-2022.15			0														2021
282.16	16	1100085	PIA2024-2022.16			0	Lương Đức Giang	1-5, D							15/08/2022					2021
283.17	17	1100085	PIA2024-2022.17			0														2021
284.18	18	1100085	PIA2024-2022.18			0														2021
50		**1190001**	**Piano CN 1.1**	**PIA2003**	**2**	**1**														
285.1	01	1190001	PIA2003-2022.01			1	Trần Hà Mi	7-11, D				7-11, D			15/08/2022	04/12/2022				2021
51		**1190003**	**Piano CN 2.1**	**PIA2004**	**2**	**3**														
286.1	01	1190003	PIA2004-2022.01			0	Đinh Công Hải	1-5, D		1-5, D					15/08/2022	04/12/2022				2021
287.2	02	1190003	PIA2004-2022.02			0	Lê Nam		7-11, D			7-11, D			15/08/2022	04/12/2022				2021
288.3	03	1190003	PIA2004-2022.03			0	Lại Thị Phương Thảo	7-11, D			7-11, D				15/08/2022	04/12/2022				2021
289.4	04	1190003	PIA2004-2022.04			0	Nghiêm Thị Hà Ngân	1-5, D		1-5, D					15/08/2022	04/12/2022				2021
290.5	05	1190003	PIA2004-2022.05			0	Phạm Hoàng Lê		1-5, D		1-5, D				15/08/2022	04/12/2022				2021
291.6	06	1190003	PIA2004-2022.06			0	Đoàn Lê Phan Anh		1-5, D		1-5, D				15/08/2022	04/12/2022				2021
292.7	07	1190003	PIA2004-2022.07			0	Nguyễn Thị Hiền Anh			1-5, D		1-5, D			15/08/2022	04/12/2022				2021
293.8	08	1190003	PIA2004-2022.08			0	Trần Hà Mi		1-5, D			1-5, D			15/08/2022	04/12/2022				2021
294.9	09	1190003	PIA2004-2022.09			0	Đinh Công Hải	1-5, D		1-5, D					15/08/2022	04/12/2022				2021
295.10	10	1190003	PIA2004-2022.10			0	Nguyễn Kiều Anh		1-5, D			1-5, D			15/08/2022	04/12/2022				2021

TT	Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khóa học
296.11	11	1190003	PIA2004-2022.11			1	Đoàn Lê Phan Anh		1-5, D		1-5, D				15/08/2022	04/12/2022				2021
297.12	12	1190003	PIA2004-2022.12			1	Trần Hà Mi		1-5, D			1-5, D			15/08/2022	04/12/2022				2021
298.13	13	1190003	PIA2004-2022.13			1	Lê Hải Thuận		1-5, D		1-5, D				15/08/2022	04/12/2022				2021
52		**1190004**	**Piano CN 2.2**	**PIA2004**	**2**	**4**														
299.1	01	1190004	PIA2004-2022.01			1	Bùi Đăng Khánh	7-11, D				7-11, D			15/08/2022	04/12/2022				2021
300.2	02	1190004	PIA2004-2022.02			1	Nguyễn Thị Hiền Anh			1-5, D		1-5, D			15/08/2022	04/12/2022				2021
301.3	03	1190004	PIA2004-2022.03			1	Nguyễn Kiều Anh		1-5, D			1-5, D			15/08/2022	04/12/2022				2021
302.4	04	1190004	PIA2004-2022.04			1	Hà Cẩm Vân		1-5, D			1-5, D			15/08/2022	04/12/2022				2021
53		**1190006**	**Piano CN 3.2**	**PIA2005**	**2**	**3**														
303.1	01	1190006	PIA2005-2022.01			1	Bùi Đăng Khánh	7-11, D				7-11, D			15/08/2022	04/12/2022				2021
304.2	02	1190006	PIA2005-2022.02			1	Nghiêm Thị Hà Ngân	7-11, D		7-11, D					15/08/2022	04/12/2022				2021
305.3	03	1190006	PIA2005-2022.03			1	Phạm Hoàng Lê		1-5, D		1-5, D				15/08/2022	04/12/2022				2021
54		**1190007**	**Piano CN 4.1**	**PIA2006**	**2**	**1**														
306.1	09	1190007	PIA2006-2022.09			1	Lê Nam		7-11, D			7-11, D			15/08/2022	04/12/2022				2021
55		**1080020**	**Quản lý thiết chế và các hoạt động VHNT 1**	**CLM2017**	**3**	**65**												**3_QLVH_M4**		
307.1	01	1080020	CLM2017-2022.01			65	Nông Thị Thanh Thuý				7-11, E501				15/08/2022	11/12/2022				2021
56		**1140016**	**Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm**	**PPE2028**	**3**	**520**												**3* RL 2018**		
308.1	01	1140016	PPE2028-2022.01			40	Nguyễn Thị Tuyết Nhung	7-11, E403							15/08/2022	06/11/2022				2021
309.2	02	1140016	PPE2028-2022.02			40	Nguyễn Thị Tuyết Nhung			1-5, E505					15/08/2022	06/11/2022				2021
310.3	03	1140016	PPE2028-2022.03			40	Nguyễn Thị Tuyết Nhung				1-5, E507				15/08/2022	06/11/2022				2021
311.4	04	1140016	PPE2028-2022.04			40	Nguyễn Thị Tuyết Nhung					1-5, E507			15/08/2022	06/11/2022				2021
312.5	05	1140016	PPE2028-2022.05			40	Nguyễn Thị Duyên	1-5, E301							15/08/2022	06/11/2022				2021
313.6	06	1140016	PPE2028-2022.06			40	Nguyễn Thị Duyên		7-11, E506						15/08/2022	06/11/2022				2021
314.7	07	1140016	PPE2028-2022.07			40	Nguyễn Thị Duyên				1-5, E301				15/08/2022	06/11/2022				2021
315.8	08	1140016	PPE2028-2022.08			40	Nguyễn Mai Hương		1-5, E507						15/08/2022	06/11/2022				2021
316.9	09	1140016	PPE2028-2022.09			40	Nguyễn Mai Hương			1-5, E507					15/08/2022	06/11/2022				2021
317.10	10	1140016	PPE2028-2022.10			40	Nguyễn Mai Hương				7-11, E301				15/08/2022	06/11/2022				2021
318.11	11	1140016	PPE2028-2022.11			40	Lương Thị Thanh Hải		7-11, E301						15/08/2022	06/11/2022				2021
319.12	12	1140016	PPE2028-2022.12			40	Lương Thị Thanh Hải			1-5, E305					15/08/2022	06/11/2022				2021
320.13	13	1140016	PPE2028-2022.13			40	Lương Thị Thanh Hải					7-11, E306			15/08/2022	06/11/2022				2021
57		**1170028**	**Sáng tác thiết kế 3**	**GRD2025**	**3**	**176**												**3_TKĐH_TH**		
321.1	01	1170028	GRD2025-2022.01			16	Phạm Minh Phong	1-4, E601	1-4, E601						15/08/2022	23/10/2022				2021

TT	Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khóa học
322.2	02	1170028	GRD2025-2022.02			16	Nông Thị Thu Trang	1-4, E601	1-4, E601						15/08/2022	23/10/2022				2021
323.3	03	1170028	GRD2025-2022.03			16	Nguyễn Mai Thơ	1-4, E601	1-4, E601						15/08/2022	23/10/2022				2021
324.4	04	1170028	GRD2025-2022.04			16	Nguyễn Đức Lân	7-10, E601	7-10, E601						15/08/2022	23/10/2022				2021
325.5	05	1170028	GRD2025-2022.05			16	Nguyễn Mai Thơ	7-10, E601	7-10, E601						15/08/2022	23/10/2022				2021
326.6	06	1170028	GRD2025-2022.06			16	Nông Thị Thu Trang	7-10, E601	7-10, E601						15/08/2022	23/10/2022				2021
327.7	07	1170028	GRD2025-2022.07			16	Nguyễn Đức Lân				1-4, E601	1-4, E601			15/08/2022	23/10/2022				2021
328.8	08	1170028	GRD2025-2022.08			16	Nông Thị Thu Trang				1-4, E601	1-4, E601			15/08/2022	23/10/2022				2021
329.9	09	1170028	GRD2025-2022.09			16	Nông Thị Thu Trang				7-10, E601	7-10, E601			15/08/2022	23/10/2022				2021
330.10	10	1170028	GRD2025-2022.10			16	Nguyễn Mai Thơ				7-10, E601	7-10, E601			15/08/2022	23/10/2022				2021
331.11	11	1170028	GRD2025-2022.11			16	Phạm Minh Phong				7-10, E601	7-10, E601			15/08/2022	23/10/2022				2021
58		**1140009**	**Tâm lý học đại cương**	**PPE2007**	**2**	**200**												**1*3_TAMLY_TKTT**		
332.1	01	1140009	PPE2007-2022.01			50	Nguyễn Hương Giang	7-9, E507							15/08/2022	06/11/2022				2021
333.2	02	1140009	PPE2007-2022.02			50	Nguyễn Hương Giang	10-12, E507							15/08/2022	06/11/2022				2021
334.3	03	1140009	PPE2007-2022.03			50	Nguyễn Hương Giang			7-9, E502					15/08/2022	06/11/2022				2021
335.4	04	1140009	PPE2007-2022.04			50	Nguyễn Quỳnh Trang						1-3, E507		15/08/2022	06/11/2022				2021
59		**1080186**	**Tâm lý và kỹ năng giao tiếp trong du lịch**	**CLM2110**	**3**	**60**												**DL**		
336.1	01	1080186	CLM2110-2022.01			60	Nguyễn Thị Thùy Linh	1-3, E501							15/08/2022	04/12/2022				2021
60		**1020029**	**Tạo mẫu trang phục 2**	**FAD2025**	**3**	**91**														
337.1	01	1020029	FAD2025-2022.01			13	Hoàng Thị Oanh	7-11, E							15/08/2022	20/11/2022				2021
338.2	02	1020029	FAD2025-2022.02			13	Ng.Thị Bích Liên	7-11, E							15/08/2022	20/11/2022				2021
339.3	03	1020029	FAD2025-2022.03			13	Lê Nguyễn Kiều Trang	7-11, E							15/08/2022	20/11/2022				2021
340.4	04	1020029	FAD2025-2022.04			13	Lê Phương Anh	7-11, E							15/08/2022	20/11/2022				2021
341.5	05	1020029	FAD2025-2022.05			13	Lê Phương Anh				1-5, E				15/08/2022	20/11/2022				2021
342.6	06	1020029	FAD2025-2022.06			13	Đỗ Thu Huyền				1-5, E				15/08/2022	20/11/2022				2021
343.7	07	1020029	FAD2025-2022.07			13	Trần Việt Hùng				1-5, E				15/08/2022	20/11/2022				2021
61		**1100067**	**Thanh nhạc 2 A**	**VMU2003***	**0**	**300**												**3_SPAN**		
344.1	01	1100067	VMU2003*-2022.01			10	Nguyễn Chí Công		7-8, D:11-12, D						15/08/2022					2021
345.2	02	1100067	VMU2003*-2022.02			10	Đàm Minh Hưng		7-8, D:11-12, D											2021
346.3	03	1100067	VMU2003*-2022.03			10	Đào Thị Khánh Chi		7-8, D:11-12, D											2021
347.4	04	1100067	VMU2003*-2022.04			10	Nguyễn Thị Huyền		7-8, D:11-12, D											2021
348.5	05	1100067	VMU2003*-2022.05			10	Đặng Thị Lan		7-8, D:11-12, D											2021

TT	Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khóa học
349.6	06	1100067	VMU2003*-2022.06			10	Đào Tiến Lợi		7-8, D:11-12, D											2021
350.7	07	1100067	VMU2003*-2022.07			10	Bùi Thanh Tuyền		7-8, D:11-12, D											2021
351.8	08	1100067	VMU2003*-2022.08			10	Trần Thị Thảo		7-8, D:11-12, D											2021
352.9	09	1100067	VMU2003*-2022.09			10	Phạm Bích Ngọc			7-8, D:11-12, D										2021
353.10	10	1100067	VMU2003*-2022.10			10	Nguyễn Thu Hằng			7-8, D:11-12, D										2021
354.11	11	1100067	VMU2003*-2022.11			10	Ngô Quốc Khánh			7-8, D:11-12, D										2021
355.12	12	1100067	VMU2003*-2022.12			10	Trần Thị Thảo				1-2, D:5-6, D									2021
356.13	13	1100067	VMU2003*-2022.13			10	Vũ Thị Tươi				1-2, D:5-6, D									2021
357.14	14	1100067	VMU2003*-2022.14			10	Nguyễn Thu Hằng				1-2, D:5-6, D									2021
358.15	15	1100067	VMU2003*-2022.15			10	Ngô Quốc Khánh				1-2, D:5-6, D									2021
359.16	16	1100067	VMU2003*-2022.16			10	Phạm Thị Thu Trang				1-2, D:5-6, D									2021
360.17	17	1100067	VMU2003*-2022.17			10	Nguyễn Phương Thảo				1-2, D:5-6, D									2021
361.18	18	1100067	VMU2003*-2022.18			10	Nguyễn Thúy Hà				1-2, D:5-6, D									2021
362.19	19	1100067	VMU2003*-2022.19			10	Đào Tiến Lợi				7-8, D:11-12, D									2021
363.20	20	1100067	VMU2003*-2022.20			10	Nguyễn Thanh Duyên				7-8, D:11-12, D									2021
364.21	21	1100067	VMU2003*-2022.21			10	Hoàng Quốc Tuấn				7-8, D:11-12, D									2021
365.22	22	1100067	VMU2003*-2022.22			10	Nguyễn Thị Huyền				7-8, D:11-12, D									2021
366.23	23	1100067	VMU2003*-2022.23			10	Bùi Thanh Tuyền				7-8, D:11-12, D									2021
367.24	24	1100067	VMU2003*-2022.24			10	Nguyễn Thanh Duyên					7-8, D:11-12, D								2021
368.25	25	1100067	VMU2003*-2022.25			10	Phạm Thị Thu Trang					7-8, D:11-12, D								2021
369.26	26	1100067	VMU2003*-2022.26			10	Vũ Thanh Thủy					7-8, D:11-12, D								2021
370.27	27	1100067	VMU2003*-2022.27			10	Nguyễn Thúy Hà					7-8, D:11-12, D								2021
371.28	28	1100067	VMU2003*-2022.28			10	Ngân Thị Thương					7-8, D:11-12, D								2021
372.29	29	1100067	VMU2003*-2022.29			10	Trần Tân Phương					7-8, D:11-12, D								2021
373.30	30	1100067	VMU2003*-2022.30			10	Hà Thị Lý					7-8, D:11-12, D								2021
62		**1100040**	**Thanh nhạc 2.1**	**VMU2005**	**1**													**DH TN**		
374.1	01	1100040	VMU2005-2022.01			0	Đỗ Hương Giang	1-5, D		7-11, D					15/08/2022					2021
375.2	02	1100040	VMU2005-2022.02			0	Đặng Thị Loan			7-11, D		7-11, D			15/08/2022					2021
376.3	03	1100040	VMU2005-2022.03			0	Viên Thị Hường			1-5, D		1-5, D			15/08/2022					2021
377.4	04	1100040	VMU2005-2022.04			0	Giáp Văn Thịnh		7-11, D				7-11, D		15/08/2022					2021
378.5	05	1100040	VMU2005-2022.05			0	Đoàn Thúy Trang	1-5, D				1-5, D			15/08/2022					2021
379.6	06	1100040	VMU2005-2022.06			0	Lê Thị Tình	1-5, D		1-5, D					15/08/2022					2021
380.7	07	1100040	VMU2005-2022.07			0	Lê Thị Út	1-5, D			1-5, D				15/08/2022					2021
381.8	08	1100040	VMU2005-2022.08			0	Nguyễn Mai Hương	1-5, D				7-11, D			15/08/2022					2021

TT	Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khóa học
382.9	09	1100040	VMU2005-2022.09			0	Nguyễn Thị Huyền	1-5, D				7-11, D			15/08/2022					2021
383.10	10	1100040	VMU2005-2022.10			0	Trần Thị Thanh Quý			1-5, D		1-5, D			15/08/2022					2021
384.11	11	1100040	VMU2005-2022.11			0	Đoàn Thúy Trang	1-5, D				7-11, D			15/08/2022					2021
385.12	12	1100040	VMU2005-2022.12			0	Đàm Minh Hưng		1-5, D			1-5, D			15/08/2022					2021
386.13	13	1100040	VMU2005-2022.13			0	Hoàng Quốc Tuấn	1-5, D			1-5, D				15/08/2022					2021
387.14	14	1100040	VMU2005-2022.14			0	Đào Tiến Lợi	1-5, D				1-5, D			15/08/2022					2021
388.15	15	1100040	VMU2005-2022.15			0	Bùi Thanh Tuyền		7-11, D		1-5, D				15/08/2022					2021
389.16	16	1100040	VMU2005-2022.16			0	Ngô Quốc Khánh		7-11, D			7-11, D			15/08/2022					2021
390.17	17	1100040	VMU2005-2022.17			0	Tạ Thị Định			7-11, D		1-5, D			15/08/2022					2021
391.18	18	1100040	VMU2005-2022.18			0	Trần Tân Phương				1-5, D		1-5, D		15/08/2022					2021
392.19	19	1100040	VMU2005-2022.19			0	Trần Mai Tuyết	1-5, D		7-11, D					15/08/2022					2021
393.20	20	1100040	VMU2005-2022.20			0	Trịnh Thị Oanh	1-5, D		1-5, D					15/08/2022					2021
394.21	21	1100040	VMU2005-2022.21			0	Chu Thị Hoài Phương			1-5, D			1-5, D		15/08/2022					2021
63		**1100010**	**Thanh nhạc 4**	**VMU2019**	**1**													**SPAN**		
395.1	17	1100010	VMU2019-2022.17			0	Vũ Thị Tươi						1-5, D		15/08/2022					2021
396.2	18	1100010	VMU2019-2022.18			0	Nguyễn Thị Huyền						1-5, D		15/08/2022					2021
397.3	19	1100010	VMU2019-2022.19			0	Đặng Thị Lan						7-11, D		15/08/2022					2021
398.4	20	1100010	VMU2019-2022.20			0	Vũ Thanh Thủy						7-11, D		15/08/2022					2021
399.5	21	1100010	VMU2019-2022.21			0	Lê Huy Hoàng						7-11, D		15/08/2022					2021
400.6	22	1100010	VMU2019-2022.22			0	Hoàng Quốc Tuấn						1-5, D		15/08/2022					2021
64		**1200028**	**Thực hành thiết kế kỹ thuật trang phục 1**	**DGI2028**	**2**	**10**														
401.1	01	1200028	DGI2028-2022.01			10	Nguyễn Bích Nhung		7-11, E						22/08/2022	23/10/2022				2021
65		**1080262**	**Thực tập công tác xã hội 1**	**CLM2241**	**2**	**25**												**CTXH**		
402.1	01	1080262	CLM2241-2022.01			25	Lương Thị Đào						1-5, CSTT:7-11, CSTT		15/08/2022	27/11/2022	Chi dk k2			2021
66		**1080113**	**Thực tập nghề nghiệp**	**CLM2075**	**3**	**20**												**DVK**		
403.1	02	1080113	CLM2075-2022.02			20	Ng.Thuý Hường			7-11, TTNN					15/08/2022	04/12/2022	LT DVK			2021
67		**1020034**	**Thực tế chuyên môn 1**	**FAD2045**	**2**	**130**														
404.1	01	1020034	FAD2045-2022.01			30	Trương Tuấn Anh							1-5, TTCM	01/08/2022	14/08/2022	Khong DK			2021
405.2	02	1020034	FAD2045-2022.02			30	Ngô Thị Thu Hà							1-5, TTCM	01/08/2022	14/08/2022	Khong DK			2021
406.3	03	1020034	FAD2045-2022.03			30	Vũ Thanh Nghị							1-5, TTCM	01/08/2022	14/08/2022	Khong DK			2021
407.4	04	1020034	FAD2045-2022.04			30	Ngô Văn Sơn							1-5, TTCM	01/08/2022	14/08/2022	Khong DK			2021
408.5	05	1020034	FAD2045-2022.05			10	Lưu Ngọc Lan							1-5, TTCM	01/08/2022	14/08/2022	Khong DK K5 CNM			2021

TT	Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khóa học
68		**1060063**	**Thực tế chuyên môn 1**	**FAE2011**	**2**	**160**												**3*FAE2011**		
409.1	01	1060063	FAE2011-2022.01			160	Lê Thị Kim Liên							1-5, TTCM1	25/07/2022		Ko ĐK			2021
69		**1170042**	**Thực tế chuyên môn 1**	**GRD2037**	**2**	**180**												**3_TKDH_M5**		
410.1	01	1170042	GRD2037-2022.01			45	Lê Huy Thục							1-5, TTCM1	25/07/2022	07/08/2022	Khong DK			2021
411.2	02	1170042	GRD2037-2022.02			45	Nguyễn Hữu Dũng							1-5, TTCM1	25/07/2022	07/08/2022	1-5, TTCM1			2021
412.3	03	1170042	GRD2037-2022.03			45	Nguyễn Đức Lân							1-5, TTCM1	25/07/2022	07/08/2022	1-5, TTCM1			2021
413.4	04	1170042	GRD2037-2022.04			45	Nguyễn Quang Huy							1-5, TTCM1	25/07/2022	07/08/2022	1-5, TTCM1			2021
70		**1040018**	**Tiếng Anh chuyên ngành (DL)**	**CFL2011**	**4**	**60**														
414.1	01	1040018	CFL2011-2022.01			60	Nguyễn Thị Ân		7-11, E405						15/08/2022	27/11/2022				2021
71		**1040015**	**Tiếng Anh chuyên ngành (DVK)**	**CFL2010**	**2**	**60**												**3* DVK**		
415.1	01	1040015	CFL2010-2022.01			60	Trương Tố Loan	4-6, E405							15/08/2022	23/10/2022				2021
72		**1080107**	**Tiếng nói trong kịch - điện ảnh 1**	**CLM2070**	**3**	**70**														
416.1	01	1080107	CLM2070-2022.01			35	Nguyễn Thùy Dương				7-11, NA401		1-5, E502		15/08/2022	16/10/2022	Lop A			2021
417.2	02	1080107	CLM2070-2022.02			35	Nguyễn Thùy Dương	7-11, NA401		7-11, NA401					15/08/2022	16/10/2022	Lop B			2021
73		**1060106**	**Tin học chuyên ngành**	**FAE2073**	**2**	**180**												**2019**		
418.1	01	1060106	FAE2073-2022.01			30	Trang Tố Uyên				1-5, E402				15/08/2022	23/10/2022				2021
419.2	02	1060106	FAE2073-2022.02			30	Trang Tố Uyên					1-5, E402			15/08/2022	23/10/2022				2021
420.3	03	1060106	FAE2073-2022.03			30	Trang Tố Uyên	1-5, E402							15/08/2022	23/10/2022				2021
421.4	04	1060106	FAE2073-2022.04			30	Trang Tố Uyên		1-5, E402						15/08/2022	23/10/2022				2021
422.5	05	1060106	FAE2073-2022.05			30	Trần Anh Hoàng	7-11, E402							15/08/2022	23/10/2022				2021
423.6	06	1060106	FAE2073-2022.06			30	Trần Anh Hoàng					7-11, E402			15/08/2022	23/10/2022				2021
74		**1080197**	**Tổ chức hướng dẫn du lịch 1**	**CLM2121**	**3**	**60**												**DL**		
424.1	01	1080197	CLM2121-2022.01			60	Nguyễn Thị Thùy Linh						1-5, E501		15/08/2022	04/12/2022				2021
75		**1200032**	**Trang trí chuyên ngành**	**DGI2032**	**3**	**10**														
425.1	01	1200032	DGI2032-2022.01			10	Vũ Thanh Nghị				1-5, B	1-5, B			15/08/2022	23/10/2022				2021
76		**1060104**	**Trang trí ứng dụng**	**FAE2088**	**2**	**160**												**2019**		
426.1	01	1060104	FAE2088-2022.01			16	Vũ Thị Kim Vân	7-11, BC	7-11, BC	7-11, BC					15/08/2022	09/10/2022				2021
427.2	02	1060104	FAE2088-2022.02			16	Nguyễn Quang Huy	7-11, BC	7-11, BC	7-11, BC					15/08/2022	09/10/2022				2021
428.3	03	1060104	FAE2088-2022.03			16	Nguyễn Tuấn Cường	7-11, BC	7-11, BC	7-11, BC					15/08/2022	09/10/2022				2021
429.4	04	1060104	FAE2088-2022.04			16	Chu Hoàng Trung	7-11, BC	7-11, BC	7-11, BC					15/08/2022	09/10/2022				2021
430.5	05	1060104	FAE2088-2022.05			16	Tạ Đình Thi				7-11, BC	7-11, BC	7-11, BC		15/08/2022	09/10/2022				2021
431.6	06	1060104	FAE2088-2022.06			16	Nguyễn Thị Hà Hoa				7-11, BC	7-11, BC	7-11, BC		15/08/2022	09/10/2022				2021

TT	Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khóa học
432.7	07	1060104	FAE2088-2022.07			16	Nguyễn Thị Trang Ngà				7-11, BC	7-11, BC	7-11, BC		15/08/2022	09/10/2022				2021
433.8	08	1060104	FAE2088-2022.08			16	Lưu Thị Hồng Điểm				1-5, BC	1-5, BC	1-5, BC		15/08/2022	09/10/2022				2021
434.9	09	1060104	FAE2088-2022.09			16	Nguyễn Thị Huyền				1-5, BC	1-5, BC	1-5, BC		15/08/2022	09/10/2022				2021
435.10	10	1060104	FAE2088-2022.10			16	Chu Thị Hương Thu				1-5, BC	1-5, BC	1-5, BC		15/08/2022	09/10/2022				2021
77		**1080177**	**Văn hóa các dân tộc Việt Nam**	**CLM2101**	**2**	**60**												**DL**		
436.1	01	1080177	CLM2101-2022.01			60	Bùi Hồng Hạnh	7-9, E503							15/08/2022	27/11/2022				2021
78		**1020045**	**Vật liệu may**	**DGI2054**	**3**	**10**												**2020 CNM**		
437.1	01	1020045	DGI2054-2022.01			10	Nguyễn Kiều Oanh						1-5, E		22/08/2022	19/10/2022				2021
79		**1020019**	**Vẽ kỹ thuật**	**FAD2001**	**2**	**84**														
438.1	01	1020019	FAD2001-2022.01			12	Lưu Ngọc Lan			7-11, E					22/08/2022	23/10/2022				2021
439.2	02	1020019	FAD2001-2022.02			12	Nguyễn Huyền Trang			7-11, E					22/08/2022	23/10/2022				2021
440.3	03	1020019	FAD2001-2022.03			12	Đỗ Thu Huyền			7-11, E					22/08/2022	23/10/2022				2021
441.4	04	1020019	FAD2001-2022.04			12	Vũ Mai Hiên			7-11, E					22/08/2022	23/10/2022				2021
442.5	05	1020019	FAD2001-2022.05			12	Ngô Thị Thủy Thu	1-5, E							22/08/2022	23/10/2022				2021
443.6	06	1020019	FAD2001-2022.06			12	Nguyễn Bích Nhung	1-5, E							22/08/2022	23/10/2022				2021
444.7	07	1020019	FAD2001-2022.07			12	Vũ Mai Hiên	1-5, E							22/08/2022	23/10/2022				2021
80		**1080221**	**Xã hội học đại cương**	**CLM2200**	**2**	**25**												**CTXH**		
445.1	01	1080221	CLM2200-2022.01			25	Lương Thị Đào	4-6, E501							15/08/2022	27/11/2022				2021
81		**1080066**	**Xã hội học văn hóa**	**CLM2092**	**2**	**65**												**2020**		
446.1	01	1080066	CLM2092-2022.01			65	Lương Thị Đào					1-3, E503			15/08/2022					2021

Người lập